

■ 交通機関

鉄道及び路線バスなどの公共交通機関は、広範囲に整備されており、日常生活の重要な足として大きな役割を果たしています。

■ 鉄道

◇乗車券の種類

①普通乗車券

近距離は自動販売機、遠距離や特急券などは駅の窓口で買います。料金は、自動販売機の上部に駅別で表示されています。12歳未満(ただし、中学生は大人)の子どもは半額、6歳未満(ただし、小学生は子供)の幼児は大人または子どもひとりふたりわりようで無料です。

②回数券

10枚分の料金で11枚買うことができ、同じ区間を何度も利用するときに、便利です。ただし、使用期限があります。

③定期券

毎日の通勤や通学には定期券が便利です。期間は1か月、3か月、6か月の3種類で、期間が長いものほど割安になっています。

◇IC カード式乗車券 (Suica (スイカ) と PASMO (パスモ))

定期券にもプリペイド式乗車券にも使えるカードで、読み取り装置を設置したすべての鉄道とバスで現金を使わずに乗車、運賃精算ができます。

Suica は JR 東日本で販売しているもので、自動改札機に触れるだけで改札を通過できます。PASMO は、私鉄、地下鉄、バス会社で販売しています。

◇列車の種類

- 各駅に停車する列車: 「普通」
- 主要駅だけに停車する列車: 「特急」、「快速」、「急行」

■ Phương tiện giao thông

Hệ thống giao thông công cộng như đường sắt, xe buýt tuyến, v.v. phủ rộng khắp cả nước, đóng vai trò to lớn trong việc đi lại hàng ngày.

■ Đường sắt

◇ Các loại vé tàu

① Vé thông thường

Bạn có thể mua vé đi chặng ngắn ở máy bán vé tự động và mua vé đi chặng dài, vé tàu tốc hành đặc biệt ở quầy bán vé của nhà ga. Giá vé của từng ga khác nhau sẽ được in sẵn ở trên máy bán hàng tự động. Trẻ em dưới 12 tuổi được giảm một nửa giá vé (Học sinh THCS phải mua vé người lớn). Trẻ nhỏ dưới 6 tuổi khi đi cùng 1 người lớn hoặc 1 trẻ em khác sẽ miễn vé (tối đa cho 2 trẻ). (Học sinh tiểu học được mua vé trẻ em)

② Vé đi nhiều lần

Khi mua 10 vé, bạn sẽ sử dụng được 11 vé. Mua vé đi nhiều lần sẽ thuận tiện cho bạn khi đi nhiều lần trong cùng một quãng đường. Tuy nhiên, cần chú ý hạn sử dụng.

③ Vé tháng

Vé tháng sẽ thuận tiện cho những người đi làm hoặc đi học hàng ngày. Có 3 kỳ hạn là vé 1 tháng, vé 3 tháng, vé 6 tháng. Mua loại vé có thời gian sử dụng càng dài thì mức giảm giá càng lớn.

◇ Vé tàu dạng thẻ IC (Suica và PASMO)

Đây là loại thẻ có thể dùng được cho cả vé tháng và vé trả trước. Với thẻ này, bạn có thể đi trên tất cả các tuyến đường sắt và xe buýt có trang bị đầu đọc thẻ hoặc thanh toán cước vận chuyển mà không cần sử dụng tiền mặt.

Suica được bán bởi công ty JR Higashi Nihon (Công ty đường sắt Đông Nhật Bản), chỉ cần chạm vào cửa soát vé tự động là có thể đi qua. PASMO được bán bởi các công ty đường sắt tư nhân, tàu điện ngầm và công ty xe buýt.

◇ Các loại tàu hỏa

- Tàu đỗ ở tất cả các ga: “Tàu thường”
- Tàu chỉ đỗ ở các ga chính: “Tàu cao tốc”, “Tàu nhanh”, “Tàu tốc hành”

◇時刻表

時刻表を利用すると、あらかじめ列車の発車時刻と到着時刻を知ることができます。時刻表では、午前、午後という言葉は使わず24時間制で時刻が表示されています。

■バス

「行き先」はバスの正面上に書かれています。バスの運賃の支払方法は、現金の他に、定期券や回数券、ICカード式乗車券などがあります。

◇バスを利用するときの注意

- バスによっては、乗車距離にかかわらず一律料金の場合があります。乗るときに料金を支払うこととなりますので、停留所やバスの表示を確認してください。
- 料金を降りるときに支払う場合は、乗ったときに「整理券」という、乗った停留所を示す券を取ってください。
- 降りるときは、降りたい「停留所」の手前でバスに備え付けてあるボタンを押して運転手に知らせます。
- 料金は、バスの内側正面の見やすいところに電光表示されていますので、整理券に書かれてある番号に対応した料金を、降りるときに運転手の横に備えられている「料金箱」のなかに整理券と一緒に入れます。このとき、「つり銭」がいらぬようにあらかじめ小銭を用意しておくとい良いでしょう。
- 12歳未満(ただし、中学生は大人)の子供は半額、6歳未満(ただし、小学生は子供)の幼児は大人または子供1人につき2人まで無料です。
- ICカード乗車券(Suica やPASMO)を使う場合は、乗降口、運賃箱の読み取り部にタッチしてください。

■タクシー

タクシーには車の屋根に会社の名前を入れた「表示灯」がついています。空車のタクシーは、フロントから車外に向け赤く「空車」と表示されています。

タクシーを利用したい時は、駅前などのタクシー乗

◇Bảng giờ tàu

Bảng giờ tàu sẽ cho bạn biết trước thời gian khởi hành và thời gian đến của tàu. Bảng giờ tàu không sử dụng các từ ngữ như buổi sáng, buổi chiều mà hiển thị thời gian theo định dạng 24 giờ.

■ Xe buýt

Điểm đến của xe buýt được viết ở mặt trước của xe buýt.

Để thanh toán cước xe buýt, bạn có thể sử dụng tiền mặt, vé tháng, vé dùng nhiều lần, thẻ IC, v.v.

◇Chú ý khi đi xe buýt

- Một số xe buýt bán vé đồng giá cho mọi chặng dài ngắn và phải trả tiền vé khi lên xe. Vì vậy hãy xác nhận tại trạm dừng xe buýt hoặc trên biển hiển thị của xe.
- Khi sử dụng loại xe buýt thanh toán tiền vé khi xuống xe, lúc lên xe, bạn hãy lấy vé đánh số bên lên để thanh toán.
- Khi muốn xuống xe, hãy nhấn nút xuống xe được lắp ở phía trước mặt để thông báo cho tài xế biết điểm dừng mà bạn muốn xuống.
- Giá vé được hiển thị điện tử ở vị trí dễ nhìn bên trong xe buýt. Khi xuống xe, hãy trả tiền vé tương ứng với số ghi trên vé đánh số bên lên cùng với tờ vé đánh số đó vào “Hộp lệ phí” để bên cạnh tài xế. Nên chuẩn bị sẵn số tiền đúng với giá vé cần thanh toán để máy không cần trả lại tiền thừa.
- Trẻ em dưới 12 tuổi được giảm một nửa giá vé (Học sinh THCS phải mua vé người lớn). Trẻ nhỏ dưới 6 tuổi khi đi cùng 1 người lớn hoặc 1 trẻ em khác sẽ miễn vé (tối đa cho 2 trẻ). (Học sinh tiểu học được mua vé trẻ em)
- Nếu sử dụng thẻ IC (Suica hoặc PASMO), hãy quẹt thẻ của bạn vào đầu đọc thẻ của hộp lệ phí ở cửa lên xuống xe.

■ Taxi

Xe taxi sẽ thường gắn “Đèn hiển thị” ghi tên hãng xe ở trên nóc xe. Xe taxi trống có thể phục vụ sẽ hiển thị chữ “空車” (xe trống) màu đỏ, được đặt ở phía trước hướng ra bên ngoài xe.

Khi muốn đi taxi, bạn có thể bắt xe từ bên xe taxi ở phía trước

り場から乗るか、道路を走っている空車のタクシーを止めて乗車することもできます。また、タクシー会社に電話して連絡して呼ぶこともできますが、この場合は追加料金を払います。日本のタクシーは自動ドアですので、乗り降りする時のドアの開け閉めは、運転手に任せます。料金は、車の種類(大型・中型・小型)、走行距離、時間帯、地域などの組み合わせによって決まっています。利用料金は、運転席の横にある「メーター」に表示されます。早朝・深夜や高速道路に乗ったときは割増料金になります。チップの必要はありません。

■ 自動車の運転

日本では自動車や自転車は左側通行です。飲酒運転は絶対にしてはいけません。

◇日本で運転するためには、次のいずれかの免許証を所持している必要があります。

- ①日本の免許証
- ②ジュネーブ条約に基づく国際運転免許証
- ③国際運転免許証を発給していない国又は地域であって日本と同等の水準にあると認められる免許制度を有している国又は地域(スイス、エストニア、ドイツ、フランス、ベルギー、モナコ及び台湾)の免許証(当該免許証を発給した国の領事機関等が作成した日本語による翻訳文が添付されているものに限る。)

◇日本において運転できる期間

- ・日本の免許証:有効期限内
- ・国際運転免許証及び外国の運転免許証:日本に上陸した日から1年間又は当該免許証の有効期間のいずれか短い期間

〈運転免許に関する問合せ先〉

千葉県警察

・千葉運転免許センター

千葉市美浜区浜田2-1

電話:043-274-2000

(テレホン案内とFAX サービス、日本語)

nhà ga, v.v. hoặc đón xe taxi trống đang chạy trên đường. Ngoài ra, bạn cũng có thể gọi điện thoại tới các hãng taxi để đặt xe nhưng sẽ cần trả thêm phí. Do xe taxi ở Nhật Bản sử dụng cửa tự động nên hãy để tài xế mở và đóng cửa giúp khi bạn lên xuống xe.

Giá cước sẽ khác nhau tùy theo loại xe (xe lớn, xe trung bình, xe nhỏ), số km đã được, khung giờ chạy xe, khu vực, v.v. Giá cước được hiển thị trên đồng hồ tính cước taxi đặt bên cạnh ghế lái. Nếu đi xe vào sáng sớm, đêm khuya, hoặc trên đường cao tốc, bạn sẽ cần trả thêm phụ phí. Không cần đưa tiền tip cho tài xế.

■ Lái xe ô tô

Ở Nhật Bản, ô tô và xe đạp đi bên trái. Tuyệt đối không lái xe sau khi đã uống rượu bia.

◇Để lái xe ở Nhật, bạn cần có một trong các giấy phép lái xe sau đây.

- ①Bằng lái xe của Nhật
- ②Bằng lái xe quốc tế dựa theo Công ước Geneva
- ③Bằng lái xe của các nước hoặc vùng lãnh thổ gồm Thụy Sĩ, Estonia, Đức, Pháp, Bỉ, Monaco và Đài Loan. Dù các nước này chưa thực hiện cấp Bằng lái xe quốc tế nhưng đã có chế độ cấp phép lái xe được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn tương đương của Nhật Bản (Chỉ giới hạn đối với Bằng lái xe đã được đính kèm bản dịch tiếng Nhật do cơ quan lãnh sự của nước đã cấp giấy phép dịch.)

◇Thời hạn được phép lái xe ở Nhật Bản

- ・Bằng lái xe của Nhật: Trong thời hạn bằng lái còn hiệu lực
- ・Bằng lái xe quốc tế và Bằng lái xe của nước ngoài: Trong vòng 1 năm kể từ ngày đến Nhật Bản hoặc trong thời hạn bằng lái còn hiệu lực tùy theo nước cấp.

(Địa chỉ liên hệ về Giấy phép lái xe)

Cảnh sát tỉnh Chiba

・Trung tâm cấp bằng lái xe tỉnh Chiba

2-1 Hamada, Mihama-ku, Chiba-shi

Điện thoại: 043-274-2000

(Hướng dẫn bằng điện thoại và dịch vụ fax, tiếng Nhật)

・流山運転免許センター

ながれやましえがさき ばんち
流山市前ヶ崎217番地
でんわ
電話: 04-7147-2000

(テレホン案内とFAXサービス、日本語)

<http://www.police.pref.chiba.jp/english/license.html>

◇自国の運転免許証から日本の運転免許証への切り替え

ゆうこう がいこくめんきよ もち、かつ うんてんめんきよ ほっきゆう う
有効な外国免許を持ち、かつ運転免許の発給を受けた日から通算3か月以上発給国に滞在期間があることが条件です。

かくにんとくれいこく からの き か しんせい のぞ ちしきしんさ
確認特例国からの切り替え申請を除き、知識審査及び技能審査が必要です。

きりか てつづ ち ぼ うんてんめんきよ おこな
切り替えの手続きは、千葉運転免許センターで行われます。

てつづ ひつよう ち ぼ うんてんめんきよ
手続きに必要なものは、千葉運転免許センターに事前に確認してください。

*流山運転免許センターでは行われておりませんのでご注意ください。

◇日本で新たに運転免許証を取得する場合

じこく めんきよしよ うち ぼ あい たら たら
自国の免許証を持っていない場合は、新たに日本の運転免許証を取得することになります。日本人と同じように運転免許センターで実施する適性試験、筆記試験及び技能試験を受け、合格しなければなりません。

にほん いてんてんき せんもん がっこう
日本では一般的に、あらかじめ専門の学校(自動車学校)に通い、運転免許証を取得するための学科及び技能の学習を受けます。自動車学校を卒業した場合は、運転免許センターでの技能試験が免除され、適性試験、筆記試験のみになります。(筆記試験は、正誤式で日本語・英語・中国語から選択して受験することができます。)

*参考

「交通の教則」

(英語、スペイン語、ポルトガル語、中国語)

(一社)日本自動車連盟 (JAF)にて販売。

(一財)全日本交通安全協会発行の「交通の教則」

を翻訳した書籍。

<http://www.jaf.or.jp/inter/manual/index.htm>

・Trung tâm cấp bằng lái xe Nagareyama

217 Maegasaki, Nagareyama-shi

Điện thoại: 04-7147-2000

(Hướng dẫn bằng điện thoại và dịch vụ fax, tiếng Nhật)

<http://www.police.pref.chiba.jp/english/license.html>

◇Chuyển đổi Bằng lái xe nước ngoài sang Bằng lái xe Nhật Bản

Điều kiện: Bằng lái xe phải còn hạn sử dụng và bạn phải sống tại nước cấp phép ít nhất là 3 tháng kể từ ngày nhận bằng lái.

Bạn cần tham gia kiểm tra kiến thức và kiểm tra kỹ thuật lái xe (trừ trường hợp làm đơn xin chuyển đổi từ quốc gia được xác nhận đặc biệt).

Thực hiện thủ tục chuyển đổi bằng lái tại Trung tâm cấp bằng lái xe tỉnh Chiba.

Vui lòng liên hệ trước với Trung tâm cấp bằng lái xe tỉnh Chiba để hỏi về các thủ tục cần thiết.

*Xin lưu ý rằng Trung tâm cấp bằng lái xe Nagareyama sẽ không thực hiện thủ tục này.

◇Xin cấp mới Bằng lái xe ở Nhật Bản

Nếu bạn chưa có bằng lái xe ở Việt Nam, bạn có thể xin cấp mới bằng lái xe ở Nhật Bản. Giống như người Nhật, bạn cần tham gia và đỗ kỳ thi sát hạch gồm kiểm tra năng lực, kiểm tra kiến thức và kiểm tra kỹ thuật lái xe tại Trung tâm cấp bằng lái xe.

Tại Nhật Bản, thông thường để được cấp bằng lái, bạn cần đi học trước tại các trường chuyên dạy lái xe để học lý thuyết và kỹ năng lái xe. Nếu đã tốt nghiệp trường dạy lái xe, bạn sẽ được miễn kỳ thi kỹ thuật lái xe tại Trung tâm cấp bằng lái xe và chỉ cần tham gia kiểm tra năng lực, kiểm tra kiến thức. (Bài kiểm tra viết theo dạng trả lời câu hỏi đúng sai; bạn có thể chọn làm bằng tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc tiếng Trung.)

*Tham khảo

“Sách hướng dẫn giao thông”

(Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung Quốc)

Được bán tại Liên đoàn ô tô Nhật Bản (JAF)

Bản dịch các thứ tiếng của “Sách hướng dẫn giao thông” do Hiệp hội an toàn giao thông toàn Nhật Bản phát hành.

<http://www.jaf.or.jp/inter/manual/index.htm>

〔運転免許証の取得に必要な書類・手数料〕

免許の種類によって必要な書類、手数料が異なりますので、運転免許センターに確認してください。

◇運転免許証の更新

運転免許証の有効期間は3年後の誕生日までです。その後3年に1度(優良運転者の場合は5年に1度)更新しなければなりません。

更新手続きは運転免許センター又は最寄りの警察署で行うことができます。

更新の時期になると、免許証に記載されている住所に、更新の案内のはがきが届きます。誕生日の1か月前から1か月後までの間に手続きをします。

詳しくは運転免許センターに確認してください。

◇自動車の登録制度

自動車を購入したら陸運事務所に登録する必要があります。この手続きは複雑なので、通常、ディーラーが手続きを代行してくれます。

自動車を登録する場合には、自動車重量税、自動車取得税、自動車税の納付、自動車損害賠償責任保険への加入、自動車保管場所証明(車庫証明)が必要です。また、印鑑証明又はサイン(在日大使館で証明したもの)も必要です。

- 自動車損害賠償責任保険(自賠責保険): 加入が義務付けられています。
- 任意の保険(任意保険): 自動車損害賠償責任保険は対象や賠償金が限られていますので、それを補うためには、任意の保険に加入しておきましょう。
- 自動車保管場所証明(車庫証明): 自動車の保管場所があることを証明する書類「車庫証明」です。自動車の保管場所を管轄する警察署に申請します。

(Hồ sơ cần thiết – Lệ phí xin cấp Bằng lái xe)

Vì hồ sơ cần thiết và lệ phí xin cấp Bằng lái xe sẽ khác nhau tùy theo loại bằng, xin vui lòng xác nhận với Trung tâm cấp bằng lái xe.

◇Gia hạn Bằng lái xe

Bằng lái xe có thời hạn sử dụng đến hết sinh nhật sau 3 năm cấp phép. Sau đó, cứ 3 năm bạn sẽ phải gia hạn 1 lần (sau 5 năm đối với loại bằng xuất sắc).

Làm thủ tục gia hạn tại Trung tâm cấp bằng lái xe hoặc Sở cảnh sát gát gần nhất.

Khi đến thời gian cần gia hạn, bạn sẽ nhận được bưu thiếp hướng dẫn gia hạn được gửi tới địa chỉ ghi trên bằng lái xe. Bạn cần làm thủ tục trong khoảng thời gian từ 1 tháng trước sinh nhật cho đến 1 tháng sau sinh nhật.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Trung tâm cấp bằng lái xe.

◇Hệ thống đăng ký xe ô tô

Sau khi mua xe ô tô, bạn cần đăng ký với Văn phòng giao thông đường bộ. Thủ tục đăng ký xe rất phức tạp nên thường các đại lý bán xe sẽ làm thay cho bạn.

Khi đăng ký xe ô tô, bạn cần nộp các loại thuế như thuế trọng lượng xe, thuế thu từ xe, thuế xe ô tô, tham gia phí bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc và phải có Giấy chứng nhận có chỗ đậu xe. Ngoài ra, bạn cần có Chứng nhận đăng ký con dấu cá nhân hoặc chữ ký (được xác minh bởi Đại sứ quán thường trú ở Nhật Bản).

- Bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô (Bảo hiểm bắt buộc): Phải có nghĩa vụ tham gia
- Bảo hiểm tự nguyện (Bảo hiểm tùy ý): Bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô hạn chế về phạm vi bồi thường và số tiền bồi thường, vì vậy bạn nên tham gia thêm các gói bảo hiểm tự nguyện khác để bổ sung.
- Giấy chứng nhận có chỗ đậu: Là giấy chứng nhận rằng có chỗ đậu xe thường xuyên. Bạn đến sở cảnh sát quản lý trực tiếp chỗ đậu xe để xin cấp giấy chứng nhận này.

◇自動車検査(車検)

自動車が安全面や環境面の基準に適合しているかを確認するために、一定期間ごとに自動車の検査(車検)を受けることが義務付けられています。自動車を新規登録した時に新規検査が行われ、自動車検査証が交付されます。次回の検査を受けなければならない期限は、自動車検査証に記載されています。

検査は、整備工場に点検整備とともに検査手続きを依頼する方法と、本人が検査手続きを行う方法があり、いずれかを選択します。

費用(検査登録申請料・自動車損害賠償責任保険料・重量税・修理代)は、かなり高額ですので、前もって用意しておきます。

◇自動車税

普通自動車には自動車税が、軽自動車には軽自動車税が、毎年かかります。領収書は、車検の際に必要なので、大切に保管しておきます。

■原動機付き自転車(原付バイク)

原動機付き自転車(原付バイク)に乗るには免許が必要です。原動機付き自転車(原付バイク)を購入したときは、現在住んでいる市区町村に登録し、年1回、軽自動車税を払わなければなりません。

■日本の交通ルール・マナー

◇歩行者のルール

- ①歩道があるところでは、必ず歩道を通って下さい。
- ②歩道がないところでは、道路の右側を歩いてください。
- ③道路を横断するときは、信号があるところでは信号に従い、信号のないところでは、横断歩道を利用してください。その場合は、左右の安全確認をして、車が止まってから渡りましょう。
- ④道路への飛び出しは絶対にしてはいけません。
- ⑤夜間には、反射材を身につけるか、明るい服装を心掛けましょう。

◇Kiểm định xe

Bạn phải mang xe đi kiểm định định kỳ để được kiểm tra độ an toàn của xe và đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn môi trường. Đối với trường hợp đăng ký xe lần đầu, người ta sẽ thực hiện kiểm định lần đầu và cấp Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô cho bạn. Khoảng thời gian cần đi kiểm định tiếp theo sẽ được ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô.

Khi kiểm định xe, bạn có thể nhờ cơ sở thực hiện bảo dưỡng xe thực hiện bảo dưỡng và làm thủ tục kiểm định cho bạn hoặc bạn tự làm thủ tục kiểm định.

Chi phí (gồm phí đăng ký kiểm định, phí bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc, thuế trọng lượng, phí sửa chữa) khá cao, vì vậy hãy chuẩn bị từ trước.

◇Thuế xe ô tô

Mỗi năm bạn sẽ phải nộp thuế xe ô tô đối với các loại xe ô tô thông thường và thuế xe hạng nhẹ đối với loại xe hạng nhẹ. Khi đi kiểm định xe, bạn cần xuất trình biên lai nộp thuế, vì vậy hãy bảo quản cẩn thận.

■Xe đạp gắn động cơ (xe gắn máy)

Đề đi xe đạp gắn động cơ (xe gắn máy), bạn phải có bằng lái. Sau khi mua xe đạp gắn động cơ (xe gắn máy), bạn phải đăng ký với chính quyền cấp hạt nơi sinh sống và nộp thuế xe hạng nhẹ mỗi năm một lần.

■ Quy tắc, văn hóa ứng xử trong giao thông ở Nhật Bản

◇Quy tắc dành cho người đi bộ

- ①Nếu có vỉa hè dành cho người đi bộ thì hãy đi trên vỉa hè.
- ②Nếu không có vỉa hè dành cho người đi bộ, hãy đi ở phía bên phải đường.
- ③Khi sang đường, hãy tuân theo tín hiệu đèn giao thông ở những khu vực có đèn giao thông. Nếu không có đèn giao thông, hãy sử dụng lối sang đường dành cho người đi bộ. Khi đó, hãy quan sát hai bên trái phải để đảm bảo an toàn và chờ xe dừng rồi mới sang đường.
- ④Tuyệt đối không chạy vọt ra đường.
- ⑤Nếu đi bộ vào ban đêm, hãy mặc áo phản quang hoặc quần áo sáng màu.

⑥「歩行者横断禁止」標識のある場所では、横断してはいけません。

◇自転車走行のルール

- ① 自転車は車道通行が原則です。車道を通行するときは道路の左端に寄って通行してください。
- ② 歩いている人を優先しましょう。
- ③ 傘さし、スマホなどのながら運転はやめましょう。
- ④ 交差点では安全確認をしましょう。
- ⑤ 夕方からはライトをつけましょう。

・ 防犯登録

自転車には、盗難にあった場合や、落とし物として届けられた場合などの返還の手がかりとするため、防犯登録が義務付けられています。防犯登録は、自転車を販売している店などで手続きをしてくれます。

・ 自転車等放置禁止区域：駅前などには、自転車等の放置禁止区域を定めています。放置禁止区域は標識で表示されています。この区域に自転車やバイクを駐輪した場合は撤去され、撤去にかかった費用や保管料を請求されますので、駐輪する際にはよく確認してください。

◇自動車運転者のルール

- ① 交通法を守り、交通信号、交通標識、道路標識に従ってください。
- ② 運転免許を持っていない人やお酒を飲んだ人は、絶対に自動車の運転をしてはいけません。
- ③ 自動車に乗るときは、シートベルトを必ず着用しましょう。6歳未満の幼児を乗せるときは、チャイルドシートを使用しなければなりません。

◇交通事故相談

交通事故にあった場合、損害賠償など様々な問題が生じます。交通事故にあってお困りの方のために、千葉県では、経験豊富な相談員が相談に応じる交通事故相談所を開設しています。相談は無料で、秘密は守られます。相談は日本語です。

⑥ Tuyệt đối không sang đường ở những chỗ có biển báo “Cấm người đi bộ sang đường”.

◇Quy tắc dành cho người đi xe đạp

- ① Xe đạp phải đi trên đường dành cho xe chạy. Khi lái xe trên đường, hãy đi sát vào lề đường bên trái.
- ② Ưu tiên người đang đi bộ.
- ③ Không vừa đi xe vừa cầm ô, điện thoại, v.v.
- ④ Chú ý xác nhận an toàn ở những nơi giao nhau.
- ⑤ Cần bật đèn từ chiều tối.

・ Đăng ký phòng chống trộm cắp

Bạn phải đăng ký phòng chống trộm cắp để làm manh mối cho trường hợp bị mất trộm xe đạp hoặc được trả lại đồ sau khi thông báo đánh rơi. Cửa hàng nơi bạn mua xe đạp sẽ làm thủ tục đăng ký phòng chống trộm cắp cho bạn.

・ Khu vực cấm để xe đạp: Trước nhà ga, v.v. sẽ thường quy định các khu vực cấm để xe đạp. Những khu vực cấm để xe đạp sẽ có biển báo. Nếu bạn để xe đạp hoặc xe máy ở những khu vực này thì sẽ bị tịch thu và phải trả phí tịch thu và trông giữ xe để chuộc lại, vì vậy hãy nhớ kiểm tra kỹ trước khi đỗ xe.

◇Quy tắc dành cho người đi ô tô

- ① Hãy tuân thủ luật giao thông, tuân theo chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo giao thông và biển báo đường.
- ② Tuyệt đối không lái xe nếu không có bằng lái hoặc sau khi uống rượu bia.
- ③ Nhất định phải thắt dây an toàn khi ngồi trên xe ô tô. Trẻ nhỏ dưới 6 tuổi phải thắt dây an toàn dành cho trẻ em.

◇Tư vấn về tai nạn giao thông

Nếu gặp tai nạn giao thông, bạn sẽ phải đối mặt với rất nhiều vấn đề như bồi thường thiệt hại, v.v. Do đó, tỉnh Chiba có bộ trí văn phòng tư vấn tai nạn giao thông với các cán bộ tư vấn giàu kinh nghiệm để hỗ trợ những người gặp khó khăn khi xảy ra tai nạn giao thông. Nội dung tư vấn sẽ được giữ bí mật và hoàn toàn miễn phí. Chỉ tư vấn bằng tiếng Nhật.

〔千葉県交通事故相談所〕

・本所(千葉県庁本庁舎2階)

千葉県中央区市場町1-1

電話 043-223-2264

・東葛飾支所(東葛飾地域振興事務所4階)

松戸市小根本7

電話 047-368-8000

・安房支所(安房地域振興事務所1階)

館山市北条402-1

電話 0470-22-7132

相談時間 午前9時～12時 午後1時～5時

(土日、祝日、年末年始除く)

*県内35市町を巡回して、交通事故相談を行って

いますので、相談日時などについて、最寄りの

交通事故相談所にお問い合わせください。

(Văn phòng tư vấn tai nạn giao thông tỉnh Chiba)

・Trụ sở chính (Tầng 2 Tòa nhà hành chính tỉnh Chiba Chiba)

1-1 Ichiba-cho, Chuo-ku, Chiba-shi

Điện thoại: 043-223-2264

・Chi nhánh Higashi Katsushika (Tầng 4 Văn phòng Chấn hưng khu vực Higashi-Katsushika)

7 Konemoto, Matsudo-shi

Điện thoại: 047-368-8000

・Chi nhánh Awa (Tầng 1 Văn phòng Chấn hưng khu vực Awa)

402-1 Hojo, Tateyama-shi

Điện thoại: 0470-22-7132

Giờ tư vấn: Sáng từ 9:00-12:00, chiều từ 1:00-5:00

(trừ thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ, kỳ nghỉ lễ Tết đầu năm cuối năm)

* Văn phòng tư vấn tai nạn giao thông tỉnh Chiba tuần tra 35 thành phố, thị trấn trong tỉnh và thực hiện tư vấn các vụ tai nạn giao thông. Để biết thêm về thời gian tư vấn, v.v. hãy liên hệ với văn phòng tư vấn tai nạn giao thông gần nhất.